

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 16/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về xác nhận kết quả giải quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh
về những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 6

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ các quy định của pháp luật về giải quyết những vấn đề phát sinh giữa
hai kỳ họp;*

*Xét Tờ trình số 04/TTr-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh và Báo cáo số 13/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022
kèm theo Tờ trình về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai
kỳ họp; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua 13 nội dung Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã thỏa thuận, thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Bổ sung kinh phí để thực hiện Đề án Sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến Quốc lộ 19B (đoạn sân bay Phù Cát - Bảo tàng Quang Trung) và các tuyến đường địa phương kết nối Quốc lộ 1, giai đoạn 2021-2025.
2. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.
3. Phương án sử dụng nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2021.
4. Phương án sử dụng nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021.
5. Mua sắm xe và bố trí kinh phí thực hiện cho Công an tỉnh để phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.
6. Phương án sử dụng nguồn tăng thu (trừ tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết) và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021.
7. Dự toán kinh phí mua sắm Hệ thống máy gia tốc tuyến tính đa mức năng lượng phục vụ công tác điều trị ung thư cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định.

8. Nguồn kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19.

9. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

10. Chủ trương thực hiện tầm soát Covid-19 trong nhà trường trên địa bàn tỉnh, trong khoảng thời gian từ nay cho đến hết năm học 2021-2022.

11. Sửa đổi, bổ sung Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

12. Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung cho Văn phòng UBND tỉnh.

13. Bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Nội dung cụ thể có Phụ lục chung kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 6 thông qua và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2022. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VP, hồ sơ ký họp.

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC CHUNG

Về xác nhận kết quả giải quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh
về những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND

ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

1. Bổ sung kinh phí để thực hiện Đề án Sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến Quốc lộ 19B (đoạn sân bay Phù Cát - Bảo tàng Quang Trung) và các tuyến đường địa phương kết nối Quốc lộ 1, giai đoạn 2021-2025 (Văn bản số 7910/UBND-TH Ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh)

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh về chủ trương sử dụng số tiền 10,288 tỷ đồng còn lại của Dự án Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường các tuyến đường tỉnh và một số tuyến đường kết nối Quốc lộ 1, để bố trí cho Sở Giao thông vận tải thanh toán giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành “Đề án Sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến Quốc lộ 19B (đoạn sân bay Phù Cát - Bảo tàng Quang Trung) và các tuyến đường địa phương kết nối Quốc lộ 1, giai đoạn 2021-2025”.

2. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 (Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015: “Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất...”

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh về điều chỉnh giảm nguồn chi hành chính chờ phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 với số tiền 2.600.000.000 đồng; đồng thời điều chỉnh tăng tương ứng nguồn chi sự nghiệp kinh tế chờ phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 với số tiền 2.600.000.000 đồng, cấp bổ sung dự toán kinh phí cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và khai thác yển sào trong năm 2021.

3. Phương án sử dụng nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2021 (Văn bản số 8127/UBND-TH ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ điểm e, khoản 2, Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định “...Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất”; khoản 4, Điều 64 quy định “Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này, trường hợp phương án được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang ngân sách năm sau để thực hiện”.

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh việc chi chuyển nguồn tăng thu xổ số kiến thiết của ngân sách tỉnh năm 2021 sang năm 2022 với số tiền là 31.189 triệu đồng và số phát sinh tăng thêm đến hết niên độ ngân sách nhà nước năm 2021 để bố trí cho các công trình thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng nông nghiệp nông thôn và theo danh mục cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Phương án sử dụng nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021 (Văn bản số 8161/UBND-TH ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ điểm e, khoản 2, Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định "... Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất"; khoản 4, Điều 64 quy định "Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này, trường hợp phương án được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang ngân sách năm sau để thực hiện",

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh về phương án sử dụng nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021 còn lại là **627.641,463 triệu đồng**, cụ thể như sau:

a) Thống nhất với UBND tỉnh sử dụng nguồn tăng thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2021, với số tiền là **27.019,186 triệu đồng** để bố trí thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh và thanh toán khối lượng hoàn thành cho các dự án, công trình được bố trí kế hoạch vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, các khu TĐC, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước tại Mục H của phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo)

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất còn lại với số tiền **600.622,277 triệu đồng** (627.641,463 triệu đồng - 27.019,186 triệu đồng) và số phát sinh tăng thêm đến hết niên độ ngân sách năm 2021, HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh tiếp tục bố trí thanh toán cho các danh mục công trình đã có khối lượng hoàn thành tại Mục H của phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND nêu trên; trường hợp còn dư, Thường trực HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh chi chuyển nguồn sang năm 2022 để quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

5. Mua sắm xe và bố trí kinh phí thực hiện cho Công an tỉnh để phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh (Văn bản số 8254/UBND-TH ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ Nghị định số 85/2018/NĐ-CP ngày 30/5/2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị sử dụng vũ trang nhân dân; Thông tư số 07/2020/TT-BCA ngày 10/01/2020 của Bộ Công an về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trong Công an nhân dân, theo đó, tại phụ lục 12 kèm theo về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thuộc tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng của lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn,

cứu hộ thì mỗi Đội cảnh sát chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc PC07 được trang bị 01 xe chở nước để phục vụ nhiệm vụ được giao trên địa bàn và Công văn số 7077/BCT-VI ngày 12/6/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ kinh phí cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy đóng trên địa bàn từ nguồn ngân sách địa phương.

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh bổ sung dự toán kinh phí cho Công an tỉnh với số tiền 2.000.000.000 đồng, từ nguồn kinh phí chi an ninh chờ phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, để trang bị mới 01 xe bồn chở nước có dung tích 8.500 lít thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

6. Phương án sử dụng nguồn tăng thu (trừ tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết) và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021 (Văn bản số 8290/UBND-TH ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ điểm e, khoản 2, Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định “...Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất”; khoản 4, Điều 64 quy định “Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này, trường hợp phương án được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang ngân sách năm sau để thực hiện”.

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh về phương án phân bổ, sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021 số tiền **202.198 triệu đồng**, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị thuộc lĩnh vực giáo dục (ưu tiên các trường đạt chuẩn quốc gia) của các huyện, thị xã, thành phố là **16.225 triệu đồng** (trương ứng với số tiền tiết kiệm chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2021).

b) Bổ sung kinh phí mua sắm Hệ thống chụp cắt lớp vi tính (CT-Scanner) 128 dãy đầu thu, 256 lát cắt/vòng quay phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh số tiền **32.000 triệu đồng**.

c) Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án Sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến quốc lộ 19B và tuyến đường địa phương kết nối Quốc lộ 1, giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi với số tiền **153.973 triệu đồng** (trong đó, số tăng thu từ tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước là 22.147 triệu đồng) và số phát sinh tăng thêm đến hết niên độ ngân sách nhà nước năm 2021 (nếu có).

d) Thống nhất với UBND tỉnh chuyển nguồn khoản tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021 sang năm 2022 để sử dụng theo phương án chi nêu trên.

7. Dự toán kinh phí mua sắm Hệ thống máy gia tốc tuyến tính đa mức năng lượng phục vụ công tác điều trị ung thư cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định (Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ khoản 2, Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định “...Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách

cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất”;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa 02 kỳ họp, trong đó Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định *(Tại mục 24 A.I thiết bị xạ trị được định mức số lượng tối đa là 02 hệ thống).*

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh về Dự toán kinh phí mua sắm Hệ thống máy gia tốc tuyến tính đa mức năng lượng phục vụ công tác điều trị ung thư cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định với dự kiến kinh phí mua sắm: Không vượt quá **80.000.000.000 (Tám mươi tỷ đồng)**, từ nguồn chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình chờ phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021: **35.000.000.000** đồng và nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 so với dự toán được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 06/12/2020: **45.000.000.000** đồng.

8. Nguồn kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 (Văn bản số 8204/UBND-TH ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022: “Trường hợp đã sử dụng hết nguồn ngân sách địa phương, nguồn lực hợp pháp khác để chi phòng, chống dịch Covid-19 và cam kết bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách chính sách tiền lương, cho phép các địa phương được sử dụng nguồn cải cách chính sách tiền lương còn dư để chi phòng, chống dịch Covid-19 trong năm 2021 và năm 2022”;

Căn cứ Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 29/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19: “*Các địa phương sử dụng tối đa 50% nguồn dự toán dự phòng ngân sách địa phương, tối đa 70% Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19...*”;

Căn cứ Nghị quyết số 93/HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa 02 kỳ họp;

Trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19 của các cơ quan, đơn vị khối tỉnh (đến 20/12/2021) và UBND các huyện, thị xã, thành phố (đến 31/10/2021), tổng kinh phí thực hiện trên địa bàn tỉnh là **629.077** triệu đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương hỗ trợ theo cơ chế quy định là **102.840** triệu đồng; ngân sách địa phương bố trí nguồn kinh phí là **526.237** triệu đồng.

- Về kinh phí thực hiện của các cơ quan, đơn vị khối tỉnh tổng hợp đến ngày 20/12/2021 là 212.004 triệu đồng, trong đó:

a. Đối với khoản tạm ứng ngân sách tỉnh phần kinh phí thuộc nhiệm vụ ngân sách Trung ương hỗ trợ theo cơ chế số tiền 65.402 triệu đồng, thống nhất

để UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục theo dõi tạm ứng và thực hiện thu hồi ngay sau khi Bộ Tài chính bổ sung kinh phí cho địa phương.

b. Đối với các khoản tạm ứng và thực chi phần ngân sách địa phương phải bố trí là **146.602** triệu đồng (trong đó: đã thực chi là 60.854 triệu đồng và chi tạm ứng là 85.748 triệu đồng). Thống nhất chuyển khoản chi tạm ứng thành cấp phát năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị tổng số tiền là **85.748** triệu đồng, từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh năm 2021 theo quy định tại khoản 2, điều 2, Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội.

- Về kinh phí thực hiện của các huyện, thị xã, thành phố đến ngày 31/10/2021 là **417.073** triệu đồng: Thống nhất hỗ trợ kinh phí cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19, như sau:

a. Đối với phần kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ theo cơ chế quy định là **37.438** triệu đồng: Thống nhất sử dụng số kinh phí Trung ương đã bổ sung mục tiêu cho ngân sách địa phương **14.652** triệu đồng để phân bổ cho ngân sách các huyện, thị xã chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Số kinh phí còn thiếu là **22.786** triệu đồng, thống nhất tạm ứng từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2021 để thực hiện và sẽ thu hồi tạm ứng sau khi có thông báo hỗ trợ kinh phí của Bộ Tài chính.

b. Đối với số kinh phí ngân sách địa phương bố trí nguồn thực hiện là **379.635** triệu đồng:

HĐND tỉnh thống nhất hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố với nội dung, tỷ lệ như sau:

+ Hỗ trợ 100% kinh phí hỗ trợ người lao động theo Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 08/8/2021 của UBND tỉnh; Tổ phòng, chống dịch Covid-19 cộng đồng theo Quyết định số 3554/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh. Đối khoản kinh phí chi hỗ trợ người lao động và Tổ phòng, chống dịch Covid-19 cộng đồng phát sinh từ ngày 01/11/2021 đến hết ngày 31/12/2021 được áp dụng theo nguyên tắc hỗ trợ nêu trên.

+ Hỗ trợ 100% đối với huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão; 70% đối với huyện Hoài Ân, Tây Sơn; 50% đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại kinh phí mua bộ xét nghiệm (test) nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 để tầm soát, phát hiện dịch bệnh trong cộng đồng trước ngày 01/10/2021.

+ Hỗ trợ kinh phí mua bộ xét nghiệm (test) nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 để tầm soát, phát hiện dịch bệnh trong cộng đồng từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/10/2021 theo Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh (thực hiện theo Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 306-TB/TU ngày 06/10/2021 và Văn bản số 131/HĐND ngày 29/10/2021 của Thường trực HĐND tỉnh).

Về kinh phí hỗ trợ cụ thể, đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh số liệu cho phù hợp với nội dung, tỷ lệ nêu trên.

Nguồn kinh phí hỗ trợ: Sau khi trừ kinh phí UBND tỉnh đã quyết định bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố với số tiền

31.000 triệu đồng tại Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh, sử dụng từ các nguồn: Dự phòng chi ngân sách tỉnh năm 2021; 70% Quỹ dự trữ tài chính; cải cách tiền lương ngân sách tỉnh năm 2021.

- Số kinh phí còn lại sau khi ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố với nội dung, tỷ lệ nêu trên thì ngân sách các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm xã, phường, thị trấn) tự bảo đảm.

9. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 (Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh)

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã.

Căn cứ văn bản số 2578/LĐTBXH-BTXH ngày 15/7/2013 của của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc chấn chỉnh công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, có nêu ***“kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải được báo cáo với Thường trực HĐND cấp tỉnh và Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố có ý kiến trước khi UBND tỉnh, thành phố có Quyết định phê duyệt chính thức”***.

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo)

10. Chủ trương thực hiện tầm soát Covid-19 trong trường học trên địa bàn tỉnh, trong khoảng thời gian từ nay cho đến hết năm học 2021-2022 (Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh).

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV, trong đó tại Điều 3 quy định: ***“UBND cấp tỉnh trong phạm vi quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện Nghị quyết này tại địa phương; quyết định các biện pháp, giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; trường hợp cần thiết xin ý kiến cấp ủy, đề xuất Thường trực HĐND quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất”***.

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với nhóm đối tượng lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bình Định, trong đó tại khoản 2 Điều 2 quy định: “HĐND tỉnh ủy quyền cho Thường trực HĐND tỉnh được thỏa thuận với UBND tỉnh trong việc ban hành các chế độ chính sách đặc thù cho các lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống dịch COVID-19 cho đến khi Chính phủ công bố hết dịch và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất”.

HĐND tỉnh thống nhất thỏa thuận với UBND tỉnh các nội dung sau:

a) Đối tượng tầm soát: Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động, học sinh và học viên tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

b) Phương thức tầm soát

- Tổ chức xét nghiệm định kỳ trước giờ lên lớp vào ngày thứ Hai hàng tuần cho *cán bộ* quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động của nhà trường.

- Xét nghiệm kháng nguyên ngay cho các em học sinh khi có dấu hiệu nghi ngờ mắc Covid-19 (sốt, ho, mệt mỏi, khó thở...) và thực hiện đúng quy trình xử lý khi phát hiện trường hợp nhiễm/nghi nhiễm Covid-19.

c) Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung cho Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức triển khai thực hiện.

11. Sửa đổi, bổ sung Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định (Văn bản số 685/UBND-KT ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh)

a) Căn cứ quy định về thẩm quyền của Thường trực HĐND cấp tỉnh tại khoản 2 và khoản 3, Điều 9, Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh về chủ trương sửa đổi, bổ sung Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định theo như đề nghị của UBND tỉnh tại văn bản số 685/UBND-KT ngày 11/02/2022.

b) Đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nhà làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại văn bản số 48/TTHĐND ngày 14/3/2022.



12. Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung cho Văn phòng UBND tỉnh (Văn bản số 1939/UBND-KT ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh)

Căn cứ Khoản b, Điều 21 Nghị định 04/2019/NĐ-CP quy định “Trường hợp cần thiết trang bị xe ô tô có giá cao hơn từ trên 5% đến không quá 20% so với mức giá quy định tại Nghị định này, ...; Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy xem xét, quyết định đối với đơn vị thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp) xem xét, quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại thuộc phạm vi quản lý của địa phương”; theo đó HĐND tỉnh có Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 và UBND tỉnh cụ thể bằng Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021, Văn phòng UBND tỉnh được bố trí trong dự toán năm 2022 số tiền 1.100 triệu đồng (sau khi tiết kiệm 10% chỉ còn 990 triệu đồng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Chương II kèm theo Nghị quyết 23/2021 ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh) để mua xe ô tô phục vụ công tác chung.

Căn cứ khoản 1 Điều 16 Nghị định 04/2019/NĐ-CP quy định “Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14 và điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định này tối đa là 720 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải mua xe ô tô 2 cầu do thường xuyên phải đi công tác đến địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi thì giá mua tối đa là 1.100 triệu đồng/xe.

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh về chủ trương để Văn phòng UBND tỉnh mua 01 xe ô tô phục vụ công tác chung 07 chỗ, 2 cầu, với tổng dự toán là **1.244 triệu đồng**.

Nguồn kinh phí thực hiện: Theo Nghị quyết 72/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

13. Bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn bản số 2985/UBND-TH ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh)

Căn cứ Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định: “.... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”,

HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như đề nghị của UBND tỉnh tại Văn bản số 2985/UBND-TH ngày 01/6/2022.

Phụ lục 01

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2021	Đã thông báo nguồn sử dụng	Kế hoạch vốn còn lại chưa thông báo nguồn	Đề nghị bố trí vốn đợt này	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
2	3	4	5	6	7	8	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, các khu TĐC, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước	1.500.000	185.835,537	1.314.164,463	27.019,186		
1	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5, số 8 Khu đô thị mới Nhơn Hải	80.000	0	80.000		BQL KKT	
2	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, TP Quy Nhơn (Đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	40.000	2.669	37.331	21.964,340	BQL GT	Hoàn trả tạm ứng
3	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ Đường trục KKT đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	40.000	0	40.000		BQL KKT	
4	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	90.000	0	90.000		BQL GT	
5	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Bắc	20.000	0	20.000		BQL KKT	
6	Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2)	20.000	0	20.000		BQL KKT	
7	Cầu Thị Nại 2	100.000	0	100.000		BQL GT	
8	Tuyến đường trục Đông - Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT 638) đoạn Km137+580 - Km143+787	35.000	23.994	11.006		BQL GT	
9	Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn	0	0	0		BQL GT	
10	Đường ven biển (phía Tây đầm Thị Nại), đoạn từ Cát Tiến đến Gò Bồi	100.000	0	100.000		BQL GT	
11	Đường ven biển (phía Tây đầm Thị Nại), đoạn từ Gò Bồi đến Khu Đô thị Diêm Vân	200.000	0	200.000		BQL GT	
12	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	30.000	0	30.000		BQL GT	
13	Dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Văn, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	27.500	27.500	0		BQL NN&PTNT	
14	Dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	7.500	7.500	0		Ban NN và PTNN	
15	Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	115.000	26.000	89.000	5.000,000	BQL NN&PTNT	TT bồi thường, GPMB
16	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	90.000	30.500	59.500		BQL NN&PTNT	
17	Dự án Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Văn, thành phố Quy Nhơn	110.000	0	110.000		BQL NN&PTNT	
18	Dự án Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	100.000	0	100.000		Ban GPMB tỉnh	
19	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài	90.000	0	90.000		Ban GPMB tỉnh	
20	Dự án Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	80.000,000	10.401,395	69.598,605		Ban GPMB tỉnh	
21	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	80.000,000	26.634,000	53.366,000		BQL KKT	
22	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định	10.000,000	10.000,000	0,000		BQL KKT	
23	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	25.000,000	14.011,723	10.988,277		BQL GT	
24	Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 19-Quốc lộ 1D	75.000,000	0,000	75.000,000		BQL GT	
25	Tuyến đường liên khu vực kết nối tuyến đường đi Nhơn Lý đến khu lõi đô thị	10.000,000	6.171,057	3.828,943	54,846	BQL KKT	Hoàn trả tạm ứng
26	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội- Nhơn Hải (đoạn từ Khu du lịch Hải Giang đến nút giao với đường N1)	25.000,000	454,000	24.546,000		BQL KKT	

(Chữ ký)

Phụ lục 02

KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU ÁP DỤNG CHO GIAI ĐOẠN 2016- 2020 QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 59/2015/QĐ-TTG NGÀY 19/11/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2022-2025 THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 07/2021/NĐ-CP NGÀY 27/01/2021 CỦA CHÍNH PHỦ

STT	Huyện/thị xã/thành phố	Tổng số hộ dân cư	Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020				Hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ %	Tổng số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ %
1	Thành phố Quy Nhơn	73.595	92	0,13	168	0,23	114	0,15	216	0,29
2	Huyện Tuy Phước	53.511	1.033	1,93	796	1,49	2.638	4,93	1.786	3,34
3	Thị xã An Nhơn	51.705	898	1,74	1.557	3,01	1.556	3,01	1.863	3,60
4	Huyện Phù Cát	55.938	1.313	2,35	3.233	5,78	1.970	3,52	3.956	7,07
5	Huyện Phù Mỹ	48.229	737	1,53	1.201	2,49	1.823	3,78	1.741	3,61
6	Thị xã Hoài Nhơn	60.890	946	1,55	2.760	4,53	1.788	2,94	2.939	4,83
7	Huyện Hoài Ân	27.932	1.206	4,32	1.257	4,50	2.905	10,40	2.443	8,75
8	Huyện Tây Sơn	38.373	893	2,33	2.753	7,17	2.393	6,24	3.681	9,59
9	Huyện Vân Canh	8.883	2.090	23,53	1.884	21,21	2.716	30,58	2.019	22,73
10	Huyện Vĩnh Thạnh	10.086	2.499	24,78	1.309	12,98	3.872	38,39	1.876	18,60
11	Huyện An Lão	9.169	2.027	22,11	1.840	20,07	3.313	36,13	1.760	19,20
TOÀN TỈNH		438.311	13.734	3,13	18.758	4,28	25.088	5,72	24.280	5,54